

### **Bài 3: Aa – Bb –Cc**

1. ba, bà, bá, bả, bạ, ca, cà, cá, cả, cạ
2. ba ba, ba ca, bá cả

### **Bài 4: Bb –E e - E ê**

1. be, bè, bé, bẽ, bẹ, bể, bế
2. bề bề, be bé, bé bé, bể cá, bẻ bẹ, bế bé, bè cá
3. - Bé bẻ bẹ. - Bè be bé.  
- Bà bế bé. - Ba bè cá bé.

### **Bài 5: Ôn tập**

1. ba ba, ca ba, be be, bè cá, bà ba, cá bè, be bé, bề bề,  
bà cả, bè bè, bể cá, ê a
2. - Ba bè bề bề bé. - Bà cả bế bé.

### **Bài 6- 7: C c - B b - Oo - Ôô**

1. co, có, cò, cỏ, cọ, cô, cố, cồ, cỗ, cộ, bo, bó, bò, bở, bọ, bờ,  
bố, bồ, bỗ, bộ
2. có cà, cỏ cò, có cá, có cồ, bó cỏ, cồ cộ, cô ca,
3. - Cò có cá. - Cô có cò. - Bò có cỏ.  
- Bò có cỏ. - Bé có bó cỏ. - Bê có cỏ.

## Bài 8: D d - Đ đ

1. da, do, dô, de, dê, đá, đồ, đô, đơ, đe, dê
2. dồ bé, e dề, dê dể, da dẻ, da bò, da dẻ, da bò, đo đỏ, dồ đỏ, đồ đá, đá dể,
3.
  - Bò, dê đã có ba bó cỏ.
  - Bà bế bé, bé bá cổ bà.
  - Cô bế bé.
  - Bé bò bò; bà, bố bế bé.
  - Cô có ca đồ.
  - Bò, dê đã có ba bó cỏ.

## Bài 9: Ơ ơ - Đđ - D d

1. cơ, bơ, dơ, đơ, cò, đồ, bờ, cố, bố, cõ, bõ, dõ, bỏ, dỏ, bợ, dợ, đỡ,
2. cá cò, cò đỏ, bờ dê, đơ đỡ,
3.
  - Cô có cò.
  - Bà đỡ bé.
  - Bố có cá.
  - A! Cỗ có cá, có cả cà cơ.

## Bài 10: Ôn tập:

1. bo bo, bỏ bê, cố đô, ọ ẹ, đo đỏ, cò đỏ, đá dể, cá bò, bỏ ca, bó cỏ, đo độ, è cổ, ổ bi, đồ bộ, da dẻ, da dê, da bò, ở đợ, bờ dê, có cố, dể bề, dò cá, đa đa, e dề, cá cò, co cơ.
2.
  - Bò dê có dể.
  - Cố đô có đồ cổ.
  - Bố bé ở bờ dê.
  - Cô có ca đồ đỏ.
  - Bà bế bé, bé bá cổ bà.

## Bài 11: I i – K k

1. ké, kè, kẻ, kễ, kẹ, kế, kề, kể, kễ, kệ,  
kí, kì, kỉ, kĩ, kị, ký, kỳ, kỷ, kỹ, kỵ
2. bí đỏ, đi đò, kể lễ, lí do, li kì, kỳ dị, kì bo, ê ke, kì cọ
3.
  - Bé kể cà kê.
  - Bé đi bộ ở bờ đê.
  - Bà dỗ bé để bé đi đò đỡ e dè.
  - Bà để bé kể.
  - Bé bị ô: bà, bố bế bé.
  - Bố bế bí đỏ bỏ bị.

## Bài 12: H h – L l

1. ha, ho, hô, hơ, he, hê, hi la, lo, lô, lơ, le, lê, li
2. hạ cò, hổ dữ, hồ cá, hả hê, ê ke, bé ho, kê hở, kì cọ, lá hẹ, lá đa, lọ đổ, lơ là, le le, đi lễ, kể lễ, lê la, lá cò, lọ cổ cũ kĩ
3.
  - Bé bị ho, bà bế bé, bà dỗ bé.
  - Bờ đê có cả dê bé.
  - Bà có ô đã cũ.
  - Cô Kỳ ca: là lá la.
  - Hè, bé đổ dế ở bờ đê.
  - Hà và bà đi lễ.
  - Cô Kỳ là dì bé Ký.
  - Cô Kỳ hò: hò lơ, hò lơ.

## Bài 13: U u - Ư ư

1. đu đủ, dũ củ, ô dù, cụ cố, bà cụ
2.
  - Bé có đu đủ.
  - Bố có ô.

### Bài 14: Ch ch – Kh kh

1. cha, cho, chô, che, chê, chi, chú, chũ, kha, kho, khô, khơ, khe, khê, khi, khu, khứ
2. Cô chú, che chở, chị cả, chả cá, khe khẽ, kha khá, chú khỉ, cá khô, tú lơ khơ, chũ kí, lá khô, khí ô - xy
3.
  - Bé đi khe khẽ.
  - Bà có cá kho tộ.
  - Kha kẻ lé cò.
  - Cô kể chú bé kỳ lạ cho bé.

### Bài 15 : Ôn tập:

1. bí đỏ, kê cà, kì cọ, hả hê, kì lạ, ở cũ, đi bộ, ê ke, ki bo, bờ hồ, cò lê, hổ dữ, cô dì, bờ kè, bệ hạ, kê hở, kể lể, do dự, lý do, lí lẽ, lồ ô, lô lố, lù lù, lá chè, du hí, cổ hủ, đi chợ, chỉ chỗ, che chở, lỗ chỗ, lã chã, cá kho, khe hở, khé cổ, lụ khụ, khò khè
2.
  - Bà ở nhà lá.
  - Bà cho bé chú chó.
  - Chị Hà là chị cả.
  - Bà đi chợ.

### Bài 16: M m – N n:

1. nơ đỏ, ba má, cá mè, ca mỗ, bố mẹ, má nẻ, ca nô, mũ nỉ, nụ cà, lọ me, cá mè, lá mơ, lọ mọ, no nê, lễ mễ, lơ mơ
2.
  - Mẹ mở lọ hồ.
  - Cô Na bó lá me.
  - Mẹ bế bé Mi.
  - Mẹ Bi mỗ cá mè.
  - Bé Hà có nơ đỏ.
  - Bà đi chợ Mơ.
  - Bà có na to, có cả củ từ, bí đỏ to cơ.
  - Bé la to: bố mẹ, nụ cà đã nở.
  - Bò bê có cỏ, bò bê no nê.

### **Bài 17: G g – Gi gi:**

1. gà gô, gõ gụ, gõ mõ, nhà ga, tủ gỗ, giỏ cá, cụ già, giò chả, gia vị, gió to, giẻ cũ, bà già, giá cả, giỏ cá, giả da, già già, giá đỡ.
2.
  - Nhà bé có giỗ, cỗ có giò chả.
  - Bé cho bà khế để kho cá.

### **Bài 18: Gh gh – Nh nh:**

1. nhè nhẹ, lí nhí, nhổ cỏ, nhu nhú, nhớ nhà, nho nhỏ, ghế gỗ, ghi ta, ghi nhớ, gồ ghề, ghế đá
2.
  - Nhà Hà có ghế gỗ.
  - Bố chở bà đi nhà ga.
  - Bà ghé nhà Hà, bà cho bé gà, khế.

### **Bài 19: Ng ng – Ngh ngh:**

1. lá ngô, nghỉ hè, ngã ba, đề nghị, ngô nghê, bở ngỡ, bé ngã, ghé ọ, ngồ ngộ, nghĩ kĩ, cá ngừ
2.
  - Bé bị ngã, bà đỡ bé, ghé cú ngó bé.
  - Nghỉ lễ, bố cho cả nhà đi Hồ Ba Bể.
  - Nhà bà có ổ gà đẻ.

## Bài 20: Ôn tập:

bờ mi	na ná	gà gô	cụ già	ghế gỗ,	cá mú	no nê
giá cả	lá mạ	nhà kho	gỗ ghề	nhà nghề	đề nghị	nghỉ hè,
giá đỡ	nhỏ bé	chủ nhà	cá ngừ	bổ ngữ	ngờ ngợ	ngô nghê
nhà ở	lô nhô	ngã ba	chủ ngữ	củ nghệ	giờ nghỉ	nghe ọ
nữ sĩ	nhỏ cỏ	mô mỡ	ghê ghê	lí nhí	bỏ ngỏ	đi ngủ
mỡ gà,	gỗ mõ	gia cố	mê li	nề hà	gỗ gụ	cả nể

- Cụ già gõ mõ.
- Nhà bà có củ nghệ, có cả gà gô.
- Mi, bố, mẹ nhỏ cỏ ở nhà bà.
- Hà, dì Nga nghỉ hè.

### Có cỗ

Nhà có giỗ  
Có cỗ to  
Có chả, giò  
Có cá kho  
Bé đã no  
Bé ngủ khò.

## Bài 21: R r – S s

1. su sê, bó rạ, ca sĩ, chú rể, sơ mi, nở rộ, lo sợ, số ba, sĩ số, su sù, lá sả, bộ rể, rổ rá, cá rô

2. - Hồ có cá rô.

- Hè, bé đi mò cá, có cả cá cờ, có cả cá rô to.

- Cự Sĩ có lọ sù cổ.

- Bố, mẹ, bé đi ra bờ hồ.

3. Nghỉ hè, bố cho bé Kha ra nhà bà. Nhà bà có lá sả, bó rạ, rổ rá, có cả gà gô. Kha nhờ cỗ cho bà.

## Bài 22: T t – Tr tr:

1. ô tô, tủ to, tủ tế, củ từ, tra ngô, cá trê, chỉ trở, lá tre, lí trí, dự trữ, tri kỉ, nhà trẻ, nhà trọ

2. - Bé Na đi ra nhà trẻ.

- Bố bế Hà đi ra bờ đê.

- Bé Trí đã đi nhà trẻ.

- Cự Trạ chẻ tre ở hè.

- Bé Hà tô lá cờ đỏ.

- Mẹ bé đi chợ, ở chợ có cá trê to.

### **Bài 23: Th th - ia:**

1. thỏ mẹ, thơ ca, thi đỗ, thợ nề, lá thị, da thỏ, thi đỗ, hò dô ta, thả cá, chú thỏ, xe thồ, thủ thi, the thé, lê thê, cá thu, thú tự, đĩa sứ, bia đá, lá mía, trỉa đỗ, đỗ tía, địa lí, chia sẻ

2. - Chú Tư ghi thư cho cô Tú.      - Bố bé là thợ nề, chú bé là thợ hồ.  
- Bé đi nhà trẻ chớ đ trễ giờ.      - Bố Thi là thợ mỏ.  
- Cò mẹ tha cá về tổ.      - Cá mè thì to, cá cò thì nhỏ.  
- Bà có lá tía tô.      - Mẹ đỗ đỗ ra nia.

3.

#### **Thư nhớ nhà**

Bé Thư đi xa	Nhà Thư có bà
Bé nhớ nhà	Có mẹ, có cha
Bé đi xe ca	Bà Thư đã già
Khi trở ra nhà	Bà chỉ ở nhà.

### **Bài 24: ua, ưa**

1. dưa bở,      mùa thu,      cua đá,      cửa sổ,      sữa chua,  
chú rùa,      tre nứa,      gió màu,      nô đùa,      lửa đỏ.

2. - Mẹ ru bé ngủ trưa.      - Bữa trưa có cá, có cả dưa chua.

3. Mẹ đi chợ mua đồ cho cả nhà. Mẹ mua cho Hà dưa to. Mía là của dì Nga. Hà bố dưa đưa cho bà, cho bố.



**Bài 25: Ôn tập:**

nở rộ	giá rẻ,	ru rú	rò rí	ủ rữ	thủ đô	sĩ số
ghi sổ	cơ sở	ngại sự	sa đà	kĩ sư	tủ gỗ	tự chủ
tò he	tì hí	tê tê,	lá tre,	dự trữ	trò hề	trả nợ
ở trọ	cứ trú	xe thồ	thứ ba	cổ thụ	lia lịa	kì thi
lá úa	thừa mứa	cua bể	múa lửa	mùa lúa	lá mía	đĩa sứ
tua tủa	sữa chữa	mưa gió	tia số	tia lửa	địa lí	mùa mưa
mùa mía	đũa nhũa	vựa lúa	bia chua	đua ngựa	cửa lùa	tơ lụa
-Bữa trưa nhà Trà có cua bể, sữa chua.				- Lá tre đã úa màu.		
Mùa hè, lá tre, lá sả, lá mía tua tủa. Bé Thu nghỉ hè ở nhà bà, bà cho Thu sữa chua, mua cả bia chua cho bố. Thu ghi sổ thứ bà cho mua.						

**Bài 26: Ph ph – Qu qu**

1. phở bò, cà phê, tổ phò, phì phò, phố cổ, pha lê, khu phố, phi cơ, quà quê, cá quả, qua phà, tổ quạ, chả quế, cá quả

2.

2. - Chú Quế cho bé quả mơ.

- Bố chở bé đi qua phố nhỏ.

- Phú pha cà phê cho bố.

- Phi có tô phở bò.

-Bé đi qua phà để ra phố cổ.

- Bà cho bé đủ thứ quà quê: giò, chả, giá đỗ.

3. Bà qua phà đi chợ Mơ mua cá quả nấu chua, mua cả cà phê cho bố Phú. Bố Phú ra khu phố mua sữa chua, cua bể, cá thu cho bà.

### **Bài 27: V v – X x:**

1. hè về, tò vò, vổ về, vở vẽ, bệ vệ, ve ve, vè vè, ve vẽ vè ve. sổ xố, xe bò, đi xa, xe chỉ, vé xe, thợ xẻ

2.        - Bé vẽ ve.                                - Bé vẽ bê.                                - Bà và mẹ xe chỉ.  
             - Bà cho bé chú chó xù.                - Xe ô tô chở bố mẹ về thủ đô.

3. Hè về, bố chở Phú về quê ở nhà bà. Bà cho Phú đi chợ quê mua đủ thứ quà quê: giò, chả, giá đỗ. Phú mua cả vỏ quế về cho bố ở phố cổ.

### **Bài 28 : Y y**

1. ý nghĩ, như ý, ý chí, sổ y bạ, quý giá

2. - Quê bé có tre ngà.  
     - Bà bế Phú ra y tế, cô y tá ghi sổ y bạ cho Phú.

3. Nghỉ hè, Vũ đi qua phà về quê ở nhà bà. Bà mua cho Vũ đủ thứ quà quê quý giá.

## Bài 29:

### Nga về quê bà

Nga về quê nhà

Nga ra bờ đê

Có bò có bê

Có dê có nghé

Khi Nga trở về

Nga nhớ nhà quê

ở đó có bà

Nghĩ mà thú ghê.

## Bài 30 : Ôn tập:

1. cà phê,      phệ nệ,      tổ phó,      bơ phờ,      phở gà,      thủ phủ,  
y tá,      quê nhà,      gà quế,      cá quả,      mỏ quạ,      thủ quỹ,      y tế,  
chú ý,      võ sĩ,      tự vệ,      ra vẻ,      vô số,      vù vù ,      ví dụ,      y sĩ,      thị xã,  
xì xì,      xổ số,      xê xế,      ý tứ,      y như,      vô ý

2. – Chú Phú đi ra thủ đô.

– Bố Kha đi ra thị xã mua xổ số.

3.

### Thu có quà

Thu qua nhà bà

Quà có mì gà

Bà cho Thu quà

Có nho, có na

Thu mở quà ra

Thu no nê quá!

Thu cho cả nhà.

Thu hò Thu ca.

### **Bài 31: an - ăn - ân**

1. khăn đỏ, bạn thân, ăn ngon, đàn ngan, bàn ghế, cẩn thận, khăn đỏ, lan can, bạn bè, than đá, nhà sàn, san hô, vỏ chăn, củ sắn, bàn chân, múa lân, thợ săn, ân cần

2. - Bé nặn con ngựa vằn. - Bé Vân và bé An là bạn thân.

3. Khi có vỡ ô ly  
Bé giữ cho cẩn thận  
Chớ để quần bìa vỡ  
Chớ bắn ra ngăn bàn.

### **Bài 32: on - ôn - ơn:**

1. Mũ nón, ngọn tre, con đò, thợ sơn, thôn bản, đơn giản, mál tôn, số bốn, nhớ ơn, đùa giỡn, cơn gió, đơn ca, cá thồn bơn

2. - Con đò đi đón cơn mưa. - Bé lon ton ra ngõ đón bà.  
- Bạn An cho bé món quà ý nghĩa.

3. Mẹ cho bé về Côn Sơn, nhà dì Nga ở đó. Trưa, dì thủ thỉ, bé hôn má dì : “ Con nhớ dì quá!”. Dì ôn tồn “ Con đã lớn!”

### **Bài 33: en - ên – in – un**

1. đế mèn, con nhện, bến đò, ngọn nến, mũ len, bên trên, chín giờ,  
con giun, bún bò, đun nấu, mưa phùn, gõ mun, số chín, bản tin, quả chín

2. - Mùa hè, quả chín.  
- Bé lùn cùn đi nhà trẻ.  
- Cô khen bé cẩn thận.

3. a) ủa à ủa ỉn  
Chín chú lợn con  
Ăn đã no tròn  
Cả đàn đi ngủ.

b) Ngày nghỉ, Sơn đi chăn bò, còn bé Lan cho ngan ăn. Khi mưa, Sơn và bé thu dọn đồ về nhà.

### **Bài 34: am - ăm - âm.**

1. con sam, chè lam, quả cam, cảm ơn, tắm tre, cá trắm,  
đầm ằm, đỏ thắm, số năm, đầm sen, chăm chỉ, chăm làm,  
mầm non, đi chậm, nằm ngủ

2. - Lâm cho đàn gà ăn tằm, bố khen Lâm chăm làm.  
- Thứ năm, mẹ cho Thắm đi về quê ở nhà bà.  
- Bé Nam bị đau chân, hôm qua bà cho Nam đi khám ở trạm y tế.

3. Ngày nghỉ, Trâm và mẹ đi thăm dì Tâm ở trạm y tế. Dì nằm ngủ, Trâm đi kê, bổ cam cho dì ăn. Dì Tâm cảm ơn Trâm.

**Bài 35: Ôn tập:**

nghe <sup>h</sup> cổ	đầm <sup>h</sup> thẳm	gọn <sup>h</sup> lớn	nỗn <sup>h</sup> nà	cỏn <sup>h</sup> con	đền <sup>h</sup> thờ
thần <sup>h</sup> lẩn	vẻn <sup>h</sup> vẹn	bẻn <sup>h</sup> lễn	ân <sup>h</sup> cần	ỏn <sup>h</sup> ẻn	bàn <sup>h</sup> tán
bồn <sup>h</sup> chồn	lộn <sup>h</sup> xộn	bịn <sup>h</sup> rịn	lẳm <sup>h</sup> cẳm	nhà <sup>h</sup> in	sẳn <sup>h</sup> bắ
xâm <sup>h</sup> xẳm	than <sup>h</sup> vằn	tản <sup>h</sup> mạn	hỗn <sup>h</sup> độn	cản <sup>h</sup> dặ	khố
nhàn <sup>h</sup> nhản	va <sup>h</sup> chạm	ròn <sup>h</sup> rợn	âm <sup>h</sup> thẳm	đầm <sup>h</sup> ẩ	dò <sup>h</sup> dẩ
cản <sup>h</sup> thận	sổ <sup>h</sup> chắ	mợn <sup>h</sup> mỗ	chó <sup>h</sup> vẹn	giam <sup>h</sup> hẩ	nền <sup>h</sup> nhà
ôn <sup>h</sup> tồn	mẳn <sup>h</sup> mặ	vằn <sup>h</sup> thắ	đũa <sup>h</sup> giỡ	len <sup>h</sup> lén	tâm <sup>h</sup> thần

- Bố cản dặ Tâm cản thận khi đi ra thủ đ.

- Dì Trâm ân cần đũa mía cho Lan ă.

Thẳ về nhà dì Nhâm ở quê. Dì Nhâm ân cần cản dặ Thẳ chớ đũa giỡ chó vẹn, vì chó vẹn dữ. Cản thận vẫn là cần.

**Bài 36: om - ôm - ơm**

1. khóm tre, hòm thư, rơm rạ, thợ gổ,      môm cơm, nắm rơm, ổ rơm,  
tôm khô, đom đóm,      lom khom,      con tôm, chôm chôm, bơm xe

2. - Nhà bà có khóm tre to.

- Bố Thơm làm nghề thợ gổ.

- Lôm sợ đom đóm.

- Mẹ bơm xe khi đi làm.

3. Quê Thơm có nghề thợ gổ, làm nắm rơm. Nghỉ hè, Thơm về quê ở nhà bà. Thơm làm nắm rơm cho bà, bà khen Thơm chăm chỉ.

### **Bài 37: em - êm – im – im**

1. chả nem, tắm rèm, thêm nhà, ngõ hẻm, đêm rằm, ghế đệm, kim chỉ, gỗ lim, chùm nho, cái chum, tôm hùm, que kem, nằm đệm, xem phim, tìm kim, tổ chim, cảm cúm, chúm chím

2. - Nhà Lâm có ghế đệm êm êm.  
- Nhà bà có tủ gỗ lim.  
- Bé Lan bị cảm cúm, bà đưa Lan ra trạm y tế khám.  
- Nhà Tâm ở ngõ hẻm.

3. Đêm về, chị em Lan nằm trên ghế đệm xem phim và ngủ quên. Bà lo chị em Lan bị cảm cúm nên đã bế về chỗ ngủ.

### **Bài 38: ai – ay - ây**

1. lái xe, củ cải, trại hè, bãi cỏ, quả vải, mái nhà, chai lọ, cỏ may, thầy cô, nhà máy, chạy nhảy, giò mây, trái cây, khay nhựa, ngày mai, số hai, tai nghe, bàn tay, mây bay, thợ may, cây đa, xây nhà, cái túi

2. - Bé vừa ngủ dậy, má đỏ hây hây.  
- Bò bê nhai cỏ, bò bê no.  
- Chị Kha đi dự trại hè.

3. Ngày nghỉ, bố lái xe đưa mẹ và Hải về quê hai ngày. Ở quê, mẹ đi chợ để mua trái cây. Bố sửa hộ bà máy xay, máy sấy. Hải cho gà ăn. Bà khen Hải chăm chỉ.

### Bài 39: oi - ôi - ơ

1. củ tỏi, cái còi, gói quà, quả roi, tài giỏi, lời mời,  
sợi chỉ, hội chợ, đồ chơi, lối đi, cá hồi, đôi đũa,  
cái gối, bộ đội, múa rối, cái nôi, ngà voi, Hà Nội, thổi còi,  
đồ chơi, bơi lội,

2. - Chim non mới nở. - Mẹ chim mớm mồi.

- Nhớ lời cô dạy, bé chớ nói dối. - Bố bé đi bộ đội.

3. Bố cho Trâm và chị Lan đi ra Hồ chơi. ở đó có lễ hội. Bố nói với hai chị em Trâm: Mỗi khi đi lễ hội ở thủ đô, bố lại nhớ về thời xa xưa.

### Bài 40: Ôn tập

máy xay	bãi bồi	soi rọi	số đếm	gãi tai
tim tím	hối lỗi	tủm tủm	nói sõi	e ngại
ngủ lịm	sôi nổi	bài giải	đòi hỏi	giầy nải
mũm mĩm	túm tụm	cày bừa	dạy dỗ	tự ái
rơm rớm	ém nhem	chòm xóm	ôm đồm	đồ gổm
chẽm chệ	om sòm	lì lợm	còm cộm	ôm đồm
lởm chởm	lỗm bõm	lỏm chởm	lởm ngổm	nổi cộm
chồm chồm	đĩa đệm	hây hẩy	cây lúa	im lìm
êm đềm	cởi mở	di dời	bơi lội	vội vã

- Chú voi có cái vòi dài.

- Em cần cẩn thận khi giải bài.

Trưa hè oi ả, chị Mai và Trâm nô đùa ở bãi cỏ. Bố mẹ gọi hai chị em về ngủ trưa.



## Bài 41: ㄱᄃ – ㄱᄃ

1. bố củi, cùi dừa, khe núi, búi cỏ, túi vải, múi khế, thưa gửi,  
đùi gà, gửi quà, chia vui, mùi vị, mưa bụi, cái túi, gửi thư

2. - Gió thổi qua khe núi.  
- Quê nội Chi có đồi núi.  
- Cả nhà vui khi bố đi xa về.  
- Bé gửi thư cho chú bồ đôi.

3. Bố đi bộ đội xa nhà, Nhi gửi thư cho bố. Nhi kể về bà, mẹ và bé Mai. Nhi kể với bố, bà và mẹ nhớ bố. bé Mai đã đi nhà trẻ, bé nói giỏi rồi.

## Bài 42: qo – eo

1. kẹo kẹo, gáo nhựt, cây gạo, khéo tay, quả táo, tờ báo,  
cô giáo, lời chào, thể thao, gió bão, chào cờ, leo trèo,  
chú mèo, kéo co

2. - Trâu ơi ta bảo trâu này,  
Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta.  
- Bé ngồi thổi sáo.  
- Chú bộ đội có mũ tai bèo.  
- Nhà bà nội có cây táo và cây vải đã ra quả.

3. Bố mẹ cho Hải đi chơi sở thú. ở đó có báo, voi, hổ. Bố bảo Hải phải chú ý vì nó là thú dữ.

### **Bài 43: au - âu - êu**

1. quả dâu, rau má, dầu gió, dưa hấu, râu ngô, bầu trời, trái sấu, màu nâu, lá trầu, quý báu, gỏi thêu, thêu thùa, cây nêu, lều vải, cao kều, lều trại, trĩu quả, cây nêu, con sâu, cá sấu, đi đều

2. - Trâu ơi ta bảo âu này.

Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta.

- Chú sếu cao kều.

- Chị mua cho Thắm gỏi thêu.

3. Mẹ kể với cả nhà: Khi còn nhỏ tí, Thảo hay mếu máo, kéo áo đòi chị bế đi chơi. Khi ấy, chị Mai lại trêu đùa để Thảo vui. Giờ thì Thảo đã cao kều, có thể trêu đùa lại chị Mai.

### **Bài 44: iu – ưu**

1. cái rìu, nhỏ xíu, trĩu quả, lú lo, dưa bở, sữa chữa, tre nứa, lửa đỏ,

2. - Cây táo, cây lựu, đầu nhà đều sai trĩu quả.

- Mẹ dịu bé Hảo đi nhà trẻ.

- Mẹ ru Hân ngủ trưa.

- Bữa trưa có cá và dưa chua.

3. Nhà bà nội Thảo có cây táo, cây lựu đều sai trĩu quả. Chim bồ câu, chim sẻ bé xíu bay tới, lú lo cả ngày.

**Bài 45: ôn tập:**

túi bụi	áo bào	lú lo	thui thui	tâm bão	mẫu hậu
ỉu xiu	lùi lũi	đấu thầu	triu quả	kẹo kéo	đi lùi
co kéo	ẩu đả	dịu êm	sổ mũi	leo trèo	lo âu
ưu tú	quả vải	đẻo gỗ	đi đều	sơ cứu	thưa gửi
lùi lũi	rẻo cao	kêu ca	giờ sủu	gửi thư	dẻo dai
mếu máo	tề tụ	ngửi mùi	rệu rã	hữu ý	cao ráo
màu mỡ	cái phễu	đàn cừu	xào xạo	tiu nghỉu	chào cờ

- Quê nhà Mai có cây vải sai triu quả.

- Cấm leo trèo lên cây.

Giờ chào cờ, Tâm và bạn đi đều, ngồi theo lối ở sân. Cô giáo khen Tâm và bạn. Tâm rất vui.

**Bài 46: ắc – ac - âc**

1. nhạc sĩ, củ lạc, âm nhạc, bậc thêm, mắc áo, ăn mặc,  
tắc kè, nhắc nhở, màu sắc, xôi gấc, gió bắc, bác sĩ,  
củ lạc, ngơ ngác, dẫu sắc, xôi gấc, mặc áo

2. - Chú bộ đội gác nơi hải đảo.  
- Chú mèo con mải mê đùa giỡn trên sân.

3. Sáng nào chim sâu đều dậy sớm ôn bài. Chim Non vừa chăm ôn bài lại chăm chỉ tìm sâu. Các bạn đều khen Chim Non.

### **Bài 47: oc- ôc – uc – ưc**

1. đọc báo, học bài, chải tóc, gốc cây, cơn lốc, cốc sữa,  
leo dốc, lọ mực, đủ rục, sáo trúc, tóc bạc, khóc nhè,  
thợ mộc, gỗ mộc, máy xúc, thức ăn

2. - Bé đi học trở trêu trọc bạn. - Chú sóc con mải mê đùa giỡn trên cây.  
- Nhớ lời bác dạy - Chăm học chăm làm  
- Bố mẹ đều khen - Thầy cô vui vẻ.

3. Mẹ ơi cô giáo nhắc  
Mẹ bọc vở cho con  
Cô giáo còn bảo con  
Mẹ kèm con học bài.

### **Bài 48: at - ăt - ât**

1. hạt bí, thơm mát, gió mát, nồi đất, gặt lúa, lật đật,  
giặt áo, chủ nhật, đồ vật, rửa mặt, cắt cỏ, nhặt rau, ca hát,  
đôi mắt, bắt tay, trật tự, vất vả

2. - Khi học bài em phải ngồi trật tự.  
- Đôi mắt bà nội đã kém, bé khâu kim cho bà.

3. Chủ nhật, bố đưa Bảo về nhà bà nội chơi. Bảo giúp bà nhặt rau, cắt cỏ.  
Vừa làm, Bảo vừa hát thật vui vẻ. Bà rất vui khi Bảo về chơi với bà.

### Bài 49: ơt - ôt - ơ

1. rau ngót, giọt mưa, gót chân, rót trà, đốt tre, cái thớt, cà rốt, mũ phớt, số một, cái vợt, cột cờ, dầu nhớt, cây ớt, lá lốt, quả nhót, cái sọt, bột ngọt, đột ngọt, hột nhãn, hớt hơi hớt hải

2. - Trái ớt chín đỏ cây. - Chả lá lốt vừa thơm vừa ngon.

3. Nghỉ hè, bố cho Thảo đi thăm Chùa Một Cột. Bố còn kể cho Thảo về nhiều nơi mà Thảo chưa đến thăm ở Hà Nội. Hè năm tới, Thảo lại xin bố cho đi thăm thủ đô nữa.

### Bài 50: Ôn tập

giác mạc	lác đác	rời rạc	xào xạc	ắc quy	đặc sắc	mắc áo
quả gấc	giấc ngủ	gió bắc	thú bậc	bao bọc	mái tóc	lên dốc
bộc lộ	gốc cây	mộc mạc	thể dục	cúc áo	tụ túc	mục lục
đạo đức	sức lực	sục núc	lật đật	trật lất	nhỏ giọt	ngọt lịm
gót chân	đột ngột	xay bột	cà rốt	sốt dẻo	dầu nhớt	đột một

- Em cần ngủ đủ giấc để đảm bảo sức khỏe.

- Chăm thể dục để có sức khỏe tốt.

Khi đi học, Mai rất cần cù, chịu khó, chăm chỉ làm bài cẩn thận và đầy đủ. Mai còn tự tin hỏi lại cô giáo và bạn bè khi chưa rõ. Khi về nhà, Mai lại đỡ dần bố mẹ rửa chén, rửa đĩa, có khi cả nấu cơm cho mẹ. Ai cũng khen Mai là học trò tốt.

### Bài 51: et – et - it

1. con vệt, kết bạn, đất sét, kết quả, dệt vải, nét chữ,  
giá rét, quả bồ kết, quay tít, hít thở, cháo vệt, mũi mít,  
quả mít, bút chữ, trời rét

2. - Tết đến, nhà bạn Trâm có kẹo, mít.

3. Cái con chìa vôi  
Đậu trên cây mít  
Nó kêu riu rít  
Mít đã chín rồi.

### Bài 52: út – út

1. rứt rề, giờ phút, bút chì, mít Tết, lũ lụt, nút chai, nút nẻ, đứt dây.

2. - Bà làm mít tết rất ngon.	- Con chim bay vút lên trời cao.
- Con nhớ vút rác vào sọt.	- Mẹ cho cây bút.
- Bé vẽ con tàu.	- Lao đi vùn vụt

3.  
. Mẹ cho em cây bút.  
Em vẽ con tàu dài  
Nhả khói và nhún vai  
Tàu lao đi vùn vụt.

### Bài 53: ap - ăp - âp

1. đáp số, múa sạp, sạp màu, ấm áp, cái tráp, áo giáp,  
thắp đèn, bài tập, bắp ngô, đều tăm tắp, tấp nập,  
cặp da, xe đạp, cái bắp, gập gõ, cá mập, tôm hấp,

- 2.
- Mẹ nấu rau bắp cải cho cả nhà ăn.
  - Bố mua cho mẹ cái cặp da màu đỏ.
  - Hết hè, Trâm gập lại các bạn ở lớp.
  - Cô Phúc cho bé Thảo hai bắp ngô đã nấu chín.

- 3.
- Bắp cải tím  
Tím mát mắt  
Lá cải sạp  
Sạp vo tròn  
Lá cải non  
Nằm ngủ giữa

### Bài 54: op - ôp - ơp

1. góp sức, chóp núi, hộp bút, tia chớp, hộp xấp, lớp xe,  
ốp đá, nộp bài, phù hợp, lợp nhà, lớp học, hồi hộp

- 2.
- Dây cây xà cừ che rợp lớp học.
  - Hai chị em Châu hồi hộp đợi quà của bố từ đảo xa gửi về.

- 3.
- Cóc kêu ộp ộp  
Lúc nhật lúc thưa  
Lộp độp, lộp độp  
Trời bắt đầu mưa.

## Bài 55: ôn tập

áp má	tết tóc	co bóp	lầm láp	ít ỏi	nút nẻ	ôm ọp
lầm láp	rạp hát	gió rít	lắp đặt	hợp chợ	múa sạp	đen kịt
rằm rắp	săm lộp	khét lệt	vịt bầu	gấp gở	tộp ca	nét bết
lệt đệt	chằm chặp	hộp thư	đất sét	em út	tấp nập	lộp độp
hao hụt	đắp đập	lớp một	ngồi bệt	rút lui	rấp rút	tia chớp
bút phá	ẩn nấp	lợp mái	dệt lụa	gạo lứt	hòa hợp	góp ý
- Khu phố cổ vào ngày nghỉ thật tấp nập.			- Tia chớp vụt lóe trên bầu trời báo cơn mưa sắp bắt đầu.			
Mặt trời đỏ rực phía chân trời xa tím tắp. Một ngày mới lại bắt đầu. ánh ban mai rải khắp phố xá, thôn quê làm cho quê em thêm đẹp.						

## Bài 56: ep - êp – ip – up

1. con tép, đôi dép, khói bếp, ề nếp, phép màu, thếp giấy,  
gạo nếp, lễ phép, chụp ảnh, túp lều, ca kíp, búp sen, nhân dịp,  
bắt nhịp, búp bê, giúp đỡ, chim bìm bịp, cá chép, xếp chỗ,  
sắp xếp, bếp lò, nhịp cầu, búp non, túp lều, múp míp

2.        - Mẹ đi chợ Mơ mua con tép kho với khế cho cả nhà ăn.  
            - Cô giáo bắt nhịp cho cả lớp hát bài ca mới.

3.        Búp sen nhỏ  
            Bên bờ ao  
            Như tay bé  
            Vẫy trời cao.



### **Bài 57: anh - inh - ênh**

1. cành cây, nhanh nhẹn, giá lạnh, màu xanh, cửa kính, đỉnh núi, máy tính, xinh xắn, gia đình, bình minh, bệnh xá, que tính, minh mẫn, quả chanh, khám bệnh, học sinh, que tính, đeo kính, lênh khênh

- 2.
- Bầu trời cao và xanh ngắt.
  - Bé Thanh ngủ dậy lúc bình minh.
  - Cô Hạnh ốm, bà đưa cô đến bệnh xá khám.

3.

Cái bàn nho nhỏ  
Cái ghế xinh xinh  
Là của lớp mình  
Con ngồi lên đấy.

### **Bài 58: ach - êch – ich**

1. khách mời, thạch cao, túi xách, vách núi, ngõ ngách, chim khách, cổ tích, lịch sử, di lịch, cái phích, vở kịch, vui thích, chim chích, bạc phếch, con ếch, ngốc ngếch, vở sạch, nhà gạch, mũ lệch, tờ lịch, vui thích, vở kịch

- 2.
- Con ở nhà nhớ đọc sách, chớ phá phách, nghịch ngợm.
  - Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.
  - Đói cho sạch, rách cho thơm.

3.

Tích tắc tích tắc	Thì giờ vùn vụt
Kim ngắn chỉ giờ	Nhanh như tên bay
Kim dài chỉ phút	Chớ phí một giây
Tích tắc tích tắc	Em chăm chỉ học.

### Bài 59: ang - ăng - âng

1. giảng bài, trang vở, càng cua, bảng đen, xe tăng, vâng lời, măng tre, trời nắng, bằng lăng, xăng dầu, ngẩng đầu, trắng trẻo, nâng niu, màu vàng, đi vắng, vâng trắng, nhà tầng,

2. - Tháng ba, cây bàng thay áo xanh mới.

3. Cái nắng đi chơi.

Bé còn say ngủ

Ru hời ru hời

Cái ngủ còn say.

### Bài 60: Ôn tập

xếp lớp	dọn dẹp	lễ phép	chép bài	bếp lửa	sắp xếp	bệnh vực
gạo nếp	dịp may	bất nhịp	kíp mỗ	lịch sự	màu xanh	giúp đỡ
sụp đổ	lụp xụp	sạch sẽ	con rệp	bình minh	để dành	chữa bệnh
đỉnh núi	nằm úp	lăn kền	tính nết	máy ảnh	vết tai	lếch thếch
bên cạnh	tập tễnh	thủ lĩnh	óc ách	lạch cạch	cách làm	bánh quy
xộc xệch	xích đu	lợi ích	ý định	vở kịch	lò gạch	bạc phếch
- Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.				- Đói cho sạch, rách cho thơm.		

ở đầm gì đẹp bằng sen  
Lá xanh, hoa trắng lại chen nhị vàng  
Nhị vàng hoa trắng lá xanh  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

### **Bài 61: ong - ông – ung – ưng**

1. bóng ngô, dòng sông, quả bóng, con công, đồng hồ, cầu lông, bông hồng, khung cửi, sừng trâu, khu rừng, trứng gà, cây sung, thùng gỗ, trung thu, rừng mơ, đung đưa
2. - Chú thỏ nhảy tung tăng trên bãi cỏ.  
- Trời nóng, bố đưa Thông đi ra bờ hồ hóng mát.  
- Sau cơn mưa, cầu vồng xuất hiện lên đủ bảy màu sắc.
3. a) Thỏ nhảy, trắng chạy      b) Hà Nội có chong chóng  
Thỏ dùng, trắng dùng      Cú tự quay trong nhà  
Mẹ ơi, có phải      Không cần trời nổi gió  
Trắng cũng có chân?      Không cần bạn chạy xa

### **Bài 62: iêc – iên – iêp**

1. xem xiếc, xanh biếc, thiệp mời, tiếp khách, điệp lục, nhiếp ảnh, nghề nghiệp, sợ miễn, kiến lửa, tàu biển, miền núi, dụ hiên, từ điển, biên giới, viên phấn, chiếc xe, đàn kiến, liên tiếp,
2. - Quê tôi, mọi nhà đều có điện.      - Đàn kiến nối tiếp nhau đi theo hàng.
3. a)      Cái cò đi đón cơn mưa  
Tối tăm mù mịt ai đưa cò về  
Cò về thăm quán và quê  
Thăm cha, thăm mẹ, cò về thăm anh.
- b) Chú của Hiên là chiến sĩ ở đảo xa. Lần nào về nghỉ, chú đều có quà cho Hiên, rồi đưa Hiên đi chơi, dạy Hiên tô vẽ. Chú còn kể cho Hiên nghe về biển đảo, về chú bộ đội. Mỗi lần chú về chơi, Hiên thấy vui quá.

## Bài 64: iệt - iêu - yêu

1. miệt mài, nhiệt độ, thời tiết, thân thiết, viết bài, chiết cành, yếu điệu, cây liễu, cửa hiệu, yêu chiều, đà điểu, chiếu cỏi, thắm thiết, thời tiết, thanh kiếm, tiêm phòng,

2. - Chiều hè, mẹ nấu riêu cua. - Ông bà nội Hiếu đã già yếu.

- Thầy cô dạy cho bé nhiều điều hay lẽ phải.

- Bản đồ Việt Nam cong hình chữ S.

3.a) Gió thổi nhẹ nhàng

Lá khê đu đưa

Điều sáo vi vu

Bé thấy vui quá.

b) Cánh diều no gió

Tiếng nó chơi vơi

Điều là hạt cau

Phơi trên nông trời.

## Bài 65: Ôn tập:

tổ ong	vòng tròn	móng tay	thả lỏng	dõng dạc	hi vọng	ống hút
cá diếc	sự việc	rộng rãi	tung hứng	vùng lên	dũng cảm	tạm dừng
ý kiến	bền vững	xây dựng	xiếc thú	nhắc nhở	con ngỗng	bữa tiệc
vo viên	hiền lành	bãi biển	diễn tả	cúng cấp	đèn điện	thiếp mời
kiêng cử	bay liệng	củ riềng	liếng xiếng	kiêng chân	tiếng tăm	tìm kiếm
niềm vui	ô nhiễm	địa điểm	chim yến	yên xe	miệt mài	từ biệt
chảy xiết	siết chặt	liêu xiêu	cánh diều	điệu đà	lộ liễu	hiếu thảo
hiệp sĩ	đón tiếp	xí nghiệp	kỉ niệm	yên ả	diệu kì	non yếu

Dù ai nói ngáy nói nghiêng  
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

Cánh diều no gió  
Sáo nó thổi vang  
Sao trời trôi ngang  
Điều thành trăng vàng.

Cánh diều no gió  
Tiếng nó chơi vơi  
Điều là hạt cau  
Phơi trên nông trời.

## **Bài 66: uôi – uôm**

1. tuổi thơ, cá đuối, khe suối, muối biển, buổi tối, quả chuối,  
chú cuội, tuổi thơ, cơm nguội, đuối bắt, lượm thuộm, quả muỗm,  
cánh buồm, nhuộm vải

2. - Bạn Thiết đã sáu tuổi rồi. - Chú nai lội qua suối nhỏ.  
- Xa xa, những cánh buồm trắng đang hối hả chở cá về bờ kịp trời sáng.

3. Những cánh buồm đỏ thắm  
Trôi trên nền biển xanh  
Trông như là tấm tranh  
Của ai vừa mới vẽ.

## **Bài 67: uộc – uột**

1. ruột thịt, lạnh buốt, thẳng tuột, trong suốt, ngọn đuốc, thuộc bài,  
cái cuốc, ốc lộc, cuộc thi, đôi guốc, uống thuốc, vuốt râu, con chuột

2. - Tàu tốc hành chạy rất nhanh.  
- Thuốc đắng già tật, sự thật mất lòng.

3. Con mèo mà trèo cây cau  
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà  
Chú chuột đi chợ đường xa  
Mua mắm, mua muối, giỗ cha chú mèo.

## **Bài 68: uôn – uông**

1. bánh cuốn, chuồn chuồn, hình vuông, rau muống, lên xuống  
buồng chuối, luống rau, ruộng đồng, đầu nguồn,  
đi muộn, cuộn len, ý muốn

- 2.
- Suối nguồn tuôn chảy.
  - Mưa rơi rào rào, gió cuốn dữ dội.
  - Đến lớp con nhớ thuộc bài, chớ ăn mặc luộm thuộm.

3. nắng vàng lan nhanh xuống chân núi rồi rải vội lên đồng lúa. Bà con xã viên đã đổ ra đồng cấy lúa mùa. Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng nón trắng nhô lên, thục xuống, tiếng nói cười vui vẻ, rộn ràng cả cánh đồng quê.

## **Bài 69: ươi – ươi**

1. nụ cười, tươi vui, lò sưởi, chú khướu, chai rượu,  
múi bưởi, tươi cười, con hươu, ốc bươu vàng

- 2.
- Chú khướu thông minh và nhanh nhẹn.
  - Mẹ mua cá tươi ở chợ về nấu canh chua.

3. Hè về, bầy thú mở hội thi tài. Hươu sao, hươu cao cổ và thỏ dự thi. Khỉ, dê thi cổ vũ. Hội thi rất sôi nổi và thú vị.

## Bài 70: Ôn tập:

nuôi cá	con ruồi	đuổi theo	đuổi tay	quả chuối
cơm nguội	cánh buồm	luộm thuộm	nhuộm vải	lọ thuốc
ruốc cá	tuốt lúa	chải chuốt	tuột dây	em ruột
luôn luôn	nguồn cuội	ép uổng	mục ruỗng	rau muống
ruộng đồng	đỏ tươi	nụ cười	sưởi ấm	lưỡi liềm
lễ cưới	muồm muỗm	nhuộm vải	rau luộc	chăng buộc
uốn nắn	muộn mằn	vuông vắn	chuồng trại	ốc bươu
bấu cổ	con khướu	rượu chè	thuốc men	vuốt ve

- Dòng suối trong suốt, mát lạnh.

- Em đọc thuộc lòng bài thơ mà cô giáo dạy.

a) Thỏ con ngồi im lặng  
Lông một màu trắng muốt  
Hai mắt hồng trong suốt  
Trông hiền ơi là hiền

b) Tặng bạn một nụ cười  
Là niềm vui nho nhỏ  
Tặng bạn một chút gió  
Là hương thơm đầu mùa

## Bài 71: ươc – ươt

1. thước kẻ, uống nước, bước chân, ướt áo, tóc mượt, mượt mà, rét mướt, óng mượt, trượt băng, lần lượt, xanh mướt

2. Dù ai đi ngược về xuôi  
Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.

3. a) Ca nô đi trước  
Ván lướt theo sau  
Nước tung trắng phau  
Mặt hồ cuộn sóng.

b) Mùa đông, tiết trời lạnh buốt. Suốt mấy ngày liền, trời mưa gió, rét mướt. Những cành cây khẳng khiu bên hè phố đã trơ trụi hết lá.

## **Bài 72: ươm – ược**

1. quả ươm, ược cá, quả ươm, vòng ươm, túi ươm,  
ươm đá, con ươm, hồ ươm, thanh ươm,

2. - Hồ ươm nằm ở trung tâm thủ đô Hà Nội.

- Giàn ươm che mát khắp mặt ao.

- Người đi trải hội ở Chùa Hương đông ươm nướp.

3. Nhà bà nội Thiêm ở trên quả đồi. Bà ươm cây, trồng giàn ươm, và nuôi cả đàn gà tre, Chiều chiều, bà tưới cây, gọi gà về cho ăn. Về bà chơi, Thiêm cho gà ăn giúp bà và nhổ cỏ để cây mau lớn. Thiêm muốn kì nghỉ hè kéo dài mãi để ở bên bà nhiều hơn.

## **Bài 73: ươm – ươm**

1. sườn đồi, miến ươm, vườn cây, ươm lên, bay ươm, đậu ươm,  
con ươm, cây ươm, quê ươm, vườn ươm, soi ươm,  
giường ươm, ươm thơm, ươm sườn

2. - Đàn yến bay ươm trên bầu trời quê ươm,

- Bên sườn đồi, mấy chú bò sữa đang ăn cỏ tươi.

3. a) Bé yêu vườn trẻ  
Có bạn, có cô  
Hò reo nô đùa  
Cả ngày vui vẻ.

b) Bạn gió từ xa đến  
Mong lấy ươm núi rừng  
Bởi vì trời nắng quá  
Nên gió trọ trên ươm.



## Bài 74: oa – oe

1. cái loa, chìa khóa, sức khỏe, máy điều hòa, hoa hòe,  
pháo hoa, tròn xoe, khăn mùi xoa, hoa đào, toa tàu,  
chìa khóa, tòa nhà, bút xóa, xòe tay, chích chòe,
2. - Quả na trong vườn mở mắt tròn xoe.  
- Trong vườn, trăm hoa đua nhau khoe sắc thắm.  
- Tháng tư về, hoa loa kèn nở rộ tràn ngập trên đường phố.
3. Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng  
Đèn ra trước gió còn trăng hỡi đèn  
Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn  
Cớ sao trăng phải chịu luồn đám mây.

## Bài 75: Ôn tập:

mơ ước	bước đường	duợc sĩ	được mất	ướt át
xanh mượt	mượt mà	ruồm rà	đượm mùi	cướp bóc
ướp cá	nướm nượp	ưỡn ngực	bay lượn	rướn mình
ương buồng	đường đời	phân xưởng	bồi dưỡng	xoa bóp
vỡ òa	tàu hỏa	xõa tóc	họa sĩ	đóa hoa
oe oe	tạp dượt	ướm thử	ươm tơ	lượn lờ
vườn tược	nấu nướng	sượng sùng	xòe tay	khỏe mạnh
Trung thu trăng sáng như gương Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng.				
Ngôi trường yêu thương Có ô che mát Có cờ tổ quốc Bay trong gió ngàn.				

## Bài 76: oan – oăn – oat – oắt

1. vở toán, đoạn thẳng, đoàn kết, soạn bài, đoàn tàu,  
đoán chữ, ngoan ngoãn, soắn thùng, tóc xoăn, soát vé,  
bước ngoặt, hoạt bát, trắng toát, lưu loát, soát bài, quay  
ngoắt, đoạt giải, nhọn hoắt, thanh thoát, hoạt hình, chạy  
thoắt,

- 2.
- Bạn Khoa rất ngoan và học giỏi toán.
  - Bạn Thoan giữ gìn sách giáo khoa rất cẩn thận.
  - Các chị, các cô gặt lúa trên đồng nhanh thăn thoát.
  - Sinh hoạt hè là một hoạt động bổ ích cho chúng em.
  - Chúng ta cần tập thể dục đều đặn để có cơ thể khỏe khoắn.
  - Trong tiết học toán, cô giáo dạy chúng em kẻ các đoạn thẳng.

- 3.
- Chú bé loắt choắt  
Cái xắc xinh xinh  
Cái chân thoăn thoắt

## Bài 77: oai – uê - uy

1. bánh khoai, điện thoại, thoải mái, xếp loại, bên ngoài, bà ngoại, suy  
nghĩ, tận tụy, hoa huệ, thùy mị, xum xuê, thu thuế, xứ Huế, truy bài

2. - Đường tới trường qua con dốc thoải thoải.

- 3.
- a) Quạt rằng: - Tổ rất là oai.  
Bộ cánh tổ khỏe, đổ ai sánh bằng.

- 3.
- b) Cú mỗi độ thu sang  
Hoa cúc vàng lại nở  
Ngoài vườn hương thơm ngát  
Ong bướm bay rộn ràng.

### **Bài 78: uân – uât**

1. hòa thuận, huân chương, kỉ luật, sầm uất, nghệ thuật, tuân lệnh, sản xuất, quả quất
2. - Mùa xuân mang đến sức sống cho muôn loài.
3. Mây đen che khuất mặt trời.  
Màu xuân tươi đẹp đến muôn nơi  
Đàn én báo tin lượn khắp trời  
Cây cỏ tung bừng vui nẩy lộc  
Muôn hoa kết trái hiến cho đời.

### **Bài 79: uyên – uyêt**

1. luyện tập, chuyên cần, chim khuyên, duyên dáng, kể chuyện, quyết tâm, truyền thuyết, sò huyết, duyệt binh, khuyết điểm, cái thuyền, bóng chuyền, đẹp tuyệt, quyết tâm, bạch tuyết, tuyên dương.
2. - Bạn Huy quyết tâm học tập và rèn luyện thật tốt.
3. Nghỉ mát ở Đà Lạt thật là tuyệt vời. Nếu Nha Trang mát nhờ gió biển thì Đà Lạt mát nhờ khí hậu cao nguyên. Đến Đà Lạt lần đầu, bạn có cảm giác lâng lâng, hư ảo như huyền thoại. Xa Đà Lạt, có thể sẽ làm bạn lưu luyến và nhớ mãi.

**Bài 80: Ôn tập:**

bé ngoan	đoàn tàu	khoản chi	hồ hoán	đoạn dây
Trì hoãn	xoắn dây	họa hoằn	rà soát	thoát ra
đoạt giải	sinh hoạt	Nhộn hoắt	loắt choắt	chỗ ngoặt
củ khoai	bên ngoài	thoải mái	bà ngoại	khoái chí
sum suê	xuề xòa	trí tuệ	vạn tuế	nộp thuế
ủy bạn	duy nhất	tùy ý	tích lũy	đại úy
tuyển chọn	tuân theo	tuần lễ	chuẩn bị	mâu thuẫn
tập huấn	năm nhuận	suất ăn	sản xuất	luật lệ
võ thuật	xuyên qua	đen tuyền	đội tuyển	bột nhuyển
chuyến xe	Kể chuyện	luyện thuyên	huyền hoặc	quyền năng

- Cây nấm duyên dáng trong chiếc áo nâu điểm chấm vàng.

a) Mùa xuân gọi dậy trời non

Gọi bông hoa nở xòe trên cây

Gọi cơn nắng ấm tràn đầy

Gọi con sáo vĩ cánh bay đi tìm đàn

b) Chiếc tổ vành khuyên nhỏ xíu nằm thỏm giữa hai chiếc lá bưởi. Vành Khuyên mẹ đã cẩn thận khâu hai chiếc lá lại rồi tha rác về đan tổ bên trong. Đêm đêm, mấy anh em Vành Khuyên nằm gối đầu lên nhau, mơ một ngày khôn lớn, sải cánh bay ra trời rộng.

## Bài 81: uynh-uych

hoa quỳnh

huỳnh huych

mừng quỳnh

phụ huỳnh

- Bé lúynh quỳnh mừng mẹ đi chợ về.

- Các bạn nô đùa chạy huỳnh huych trên sân trường.

Giữa đêm chỉ thoang thoảng hương  
Cánh quỳnh vẫn khép như còn đợi ai  
Em về lấp lánh sương mai  
Môi cười, hoa nở ngát hai đóa quỳnh.

## Bài 82: ươ - uya

thuở xưa

hươ tay

giấy pơ-luya

sớm khuya

muôn thuở

- Đêm về khuya thật yên tĩnh.

- Voi con hươ vùi chào khán giả.

- Thuở xưa, loài người sống trong rừng.

Đêm đã khuya. Mẹ vẫn ngồi bên cửa sổ cặm cụi may áo cho bé. Ngày mai, bé sẽ bước vào lớp Một. Mẹ muốn may cho xong để bé có chiếc áo mới trong ngày khai giảng năm học mới.

## Bài 83: oao - oong - oam- oăm- oắc – oen – oét- oong – ooc- uyt- uyp –uâng – uênh- uếch

ngoao ngoao	viết ngoáy	mèo ngoạm chuột	Sâu hoắm	dấu ngoặc
nhoẻn cười	lòe loẹt	cái xoong	quần soóc	huýt sáo
đèn tuýp	huênh hoang	nguệch ngoạc	xe buýt	tuýt còi

- Mèo kêu ngoao ngoao.
- Em không nên viết ngoáy.
- Cần cầu ngoạm kiện hàng.
- Giếng khoan sâu hoắm.
- Phúc làm bài tập: điền âm hoặc vần thích hợp.
- Tan học, mẹ đón em và nhoẻn miệng cười.
- Bức tranh Minh tô màu lòe loẹt.
- Tuyết giúp mẹ lấy cái xoong nấu canh.
- Mùa hè, Dũng mặc quần soóc đi học.
- Quỳnh đi xem xiếc có chú voi huơ cái vòi dài.
- Bà say sưa kể chuyện thuở xưa.
- Đêm đã khuya, mẹ vẫn cặm cụi làm việc.
- Huyền tập huýt sáo, khi đang đi trên xe buýt.
- Bố tháo và lau chùi chiếc đèn tuýp cho sạch.
- Chủ nhật, bố và mẹ đi họp phụ huynh cho hai anh em.
- Những chú voi to lớn chạy huỳnh huỵch làm đất cát bụi mù.
- Mẹ dạy Luân chớ nói huênh hoang.
- Tuấn nắn nót viết từng chữ và không viết nguệch ngoạc.
- Chú công an tuýt còi điều khiển phương tiện giao thông đi lại trên phố.
- Chú mèo bắt được chuột và ngoạm trong miệng chạy đến khoe chủ.